

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Quyết	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2016)
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016



Số: 264/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2016, từ trang 03 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

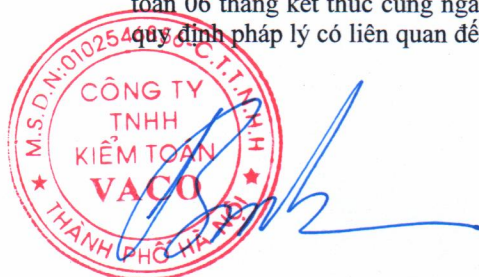
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.361.598.730	38.038.808.997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.423.334.116	543.943.798
1. Tiền	111		6.423.334.116	543.943.798
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.780.491.749	14.470.743.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	12.386.483.862	14.445.895.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.192.945.496	823.785.950
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(798.937.609)	(798.937.609)
III. Hàng tồn kho	140	7	21.504.585.858	21.856.126.133
1. Hàng tồn kho	141		21.504.585.858	21.856.126.133
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.653.187.007	1.167.995.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.410.234.871	1.167.995.160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		242.952.136	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.057.135.964	40.591.316.739
I. Tài sản cố định	220		14.615.332.102	11.193.475.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.615.332.102	11.193.475.065
- Nguyên giá	222		21.468.691.805	17.104.906.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.853.359.703)	(5.911.431.832)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	32.056.000.000	28.857.170.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		32.056.000.000	28.857.170.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		385.803.862	540.671.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	385.803.862	540.671.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		89.418.734.694	78.630.125.736

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.571.126.211	21.141.893.938
I. Nợ ngắn hạn	310		27.298.971.211	21.141.893.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6.287.473.178	7.562.786.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	15.238.137.473	12.277.837.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.604.759.360	1.167.801.238
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		174.069.800	133.468.840
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	3.994.531.400	-
II. Nợ dài hạn	330		1.272.155.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	1.272.155.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.847.608.483	57.488.231.798
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	60.847.608.483	57.488.231.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.347.608.483	4.988.231.798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.988.231.798	3.641.972.155
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.359.376.685	1.346.259.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		89.418.734.694	78.630.125.736



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43.356.026.983	22.860.966.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	43.356.026.983	22.860.966.555
4. Giá vốn hàng bán	11	17	35.320.402.133	17.293.287.444
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.035.624.850	5.567.679.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		124.194	125.530
7. Chi phí tài chính	22		153.081.332	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153.081.332	-
8. Chi phí bán hàng	25	19	1.733.473.745	892.889.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.511.115.363	2.340.771.460
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.638.078.604	2.334.143.981
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		386.015.167	75.710.178
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(386.015.167)	(75.710.178)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.252.063.437	2.258.433.803
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	892.686.752	496.855.436
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.359.376.685	1.761.578.367



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.252.063.437	2.258.433.803
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		944.334.143	641.218.033
- Các khoản dự phòng	03		-	650.550.002
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		322.414.989	75.584.648
- Chi phí lãi vay	06		153.081.332	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.671.893.901	3.625.786.486
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.447.300.021	(1.257.790.848)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		351.540.275	(1.132.789.406)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.587.293.821	1.857.382.870
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(87.371.899)	(830.883.952)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(153.081.332)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(338.434.700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.479.140.087	2.261.705.150
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.713.184.908)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	100.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.456.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		257.170.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.194	125.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.866.436.169)	100.125.530
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		8.442.031.400	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.175.345.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.266.686.400	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		5.879.390.318	2.361.830.680
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		543.943.798	525.736.746
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60$)	70		6.423.334.116	2.887.567.426



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 125 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rầm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...; Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình;
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình; Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La: Công ty Con;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại của doanh nghiệp, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	461.328.448	536.180.024
Tiền gửi ngân hàng	5.962.005.668	7.763.774
Cộng	6.423.334.116	543.943.798

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>12.386.483.862</i>	<i>14.445.895.565</i>
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.166.168.724	4.418.458.724
Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng CMAXX	1.648.157.500	-
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Các đối tượng khác	5.271.057.635	8.726.336.838

6. NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	650.550.001	1.301.100.003	650.550.001
Công ty TNHH Thành Thiêm	63.810.595	31.905.298	63.810.595	31.905.298
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	232.964.620	116.482.310	232.964.620	116.482.310
Cộng	1.597.875.218	798.937.609	1.597.875.218	798.937.609

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.557.840.017	-	793.128.835	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	7.872.072.487	-	9.923.011.892	-
Hàng hóa	10.074.673.354	-	11.139.985.406	-
Cộng	21.504.585.858	-	21.856.126.133	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>1.410.234.871</i>	<i>1.167.995.160</i>
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	1.410.234.871	1.167.995.160
<i>b) Dài hạn</i>	<i>385.803.862</i>	<i>540.671.674</i>
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	385.803.862	540.671.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
01/01/2016	7.454.066.769	2.876.147.186	6.774.692.942	17.104.906.897
- Mua trong kỳ	-	562.182.182	4.172.002.726	4.734.184.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.400.000)	(370.400.000)
30/06/2016	7.454.066.769	3.438.329.368	10.576.295.668	21.468.691.805
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2016	2.011.762.191	1.529.274.272	2.370.395.369	5.911.431.832
- Khấu hao trong kỳ	264.907.086	142.614.688	536.812.369	944.334.143
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.406.272)	(2.406.272)
30/06/2016	2.276.669.277	1.671.888.960	2.904.801.466	6.853.359.703
Giá trị còn lại				
01/01/2016	5.442.304.578	1.346.872.914	4.404.297.573	11.193.475.065
30/06/2016	5.177.397.492	1.766.440.408	7.671.494.202	14.615.332.102

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại 30/06/2016 là 280.000.000 đồng (Tại 01/01/2016 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp tại 30/06/2016 là 2.354.158.864 đồng (Tại ngày 01/01/2016 là 0 đồng).

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	8.857.170.000	8.857.170.000
- Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La	3.056.000.000	3.056.000.000	-	-
Cộng	32.056.000.000	32.056.000.000	28.857.170.000	28.857.170.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con:

	30/06/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
	%	%	%	%
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	100%	90%	100%	90%
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La	100%	100%	0%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a - DN

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014. Trong kỳ, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành nhưng đã có hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu là vật liệu xây dựng. Tại 30/06/2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 1.779.643.183 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Xây dựng Sudev Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106749913 ngày 16/01/2015 và thay đổi lần đầu ngày 03/08/2015 thành Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sudev là xây dựng, thiết kế công trình dân dụng, giao thông và thủy lợi, lắp đặt hệ thống chống thấm. Tại 30/06/2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 491.557.595 đồng.

- Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp Vân Hồ. Chức năng: Hoạt động kinh doanh thương mại tổng hợp; nhà hàng; khách sạn, dịch vụ lưu trú; dịch vụ vui chơi, giải trí; du lịch. Tổng mức đầu tư dự kiến là 40.593.000.000 đồng

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	6.287.473.178	6.287.473.178	7.562.786.102	7.562.786.102
Công ty TNHH MTV Vinh Thịnh Vương	2.500.006.850	2.500.006.850	-	-
Công ty TNHH Vinh Tho	718.443.470	718.443.470	-	-
Đối tượng khác	3.069.022.858	3.069.022.858	7.562.786.102	7.562.786.102

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước	15.238.137.473	12.277.837.758
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (i)	13.464.012.073	12.115.837.758
Các đối tượng khác	1.774.125.400	162.000.000
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	13.464.012.073	12.115.837.758
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	13.464.012.073	12.115.837.758

Ghi chú: (i) Khoản Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình ứng trước theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0001/2013/HĐXD của Gói thầu XL: "Thi công xây lắp hạng mục xây dựng cơ bản bao gồm nhà bao che lò nung, sân phơi gạch mộc, nhà bán hàng - nhà bảo vệ, nhà chế biến tạo hình, nhà chứa đất, lò nung, ống khói lò nung, san nền, bán mái nhà bao che lò nung và cung cấp thiết bị chế tạo hình, thiết bị khai thác và vận chuyển. Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a - DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	117.293.930	635.146.650	752.440.580	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.045.930.467	892.686.752	338.434.700	1.600.182.519
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	1.167.801.238	1.527.833.402	1.090.875.280	1.604.759.360

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.612.031.400	3.612.031.400	3.060.000.000	6.672.031.400	-	-
Ngân hàng TP Bank (i)	3.612.031.400	3.612.031.400	-	3.612.031.400	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân			3.060.000.000	3.060.000.000	-	-
Vay dài hạn	1.272.155.000	1.272.155.000	497.845.000	1.770.000.000	-	-
Ngân hàng VP Bank (ii)	844.655.000	844.655.000	355.345.000	1.200.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (iii)	427.500.000	427.500.000	142.500.000	570.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	382.500.000	382.500.000	-	382.500.000	-	-
Ngân hàng VP Bank (ii)	240.000.000	240.000.000	-	240.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (iii)	142.500.000	142.500.000	-	142.500.000	-	-
Cộng	5.266.686.400	5.266.686.400	3.557.845.000	8.824.531.400	-	-

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	382.500.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.272.155.000	-
	1.654.655.000	-
<i>Trong đó:</i>		
Số phải trả trong vòng 12 tháng	382.500.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	1.272.155.000	-

Ghi chú:

(i) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 251-03.16/HĐTD/TPBANK.HMI ngày 23/03/2016, thời hạn 12 tháng. Khoản vay được thực hiện theo khế ước số 01/251-03.16/GNN ngày 02/03/2016, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh, thanh toán tiền hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của cá nhân trong Công ty.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iii) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải của Công ty..

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.346.259.643	1.346.259.643
Số dư tại ngày 01/01/2016	52.500.000.000	4.988.231.798	57.488.231.798
Lợi nhuận trong kỳ	-	3.359.376.685	3.359.376.685
Số dư tại ngày 30/06/2016	52.500.000.000	8.347.608.483	60.847.608.483

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	31.133.638.911	7.715.853.624
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.222.388.072	15.145.112.931
Cộng	43.356.026.983	22.860.966.555

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	27.021.900.070	6.089.739.200
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.298.502.063	11.203.548.244
Cộng	35.320.402.133	17.293.287.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	8.027.307.893	6.043.441.970
Chi phí nhân công	1.535.420.440	1.283.543.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.021.433.679	641.218.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	657.824.699	623.463.923
Chi phí khác bằng tiền	163.508.373	970.706.880
Cộng	11.405.495.084	9.562.373.966

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	656.388.760	518.796.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	413.901.362	551.425.554
Chi phí khấu hao TSCĐ	264.907.086	111.483.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.409.782	241.158.699
Các khoản chi phí QLDN khác	163.508.373	917.906.880
Cộng	1.511.115.363	2.340.771.460

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	884.252.711	351.663.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.828.117	158.920.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.392.917	382.305.224
Cộng	1.733.473.745	892.889.200

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.252.063.437	2.258.433.803
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	211.370.325	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	211.370.325	-
Thu nhập chịu thuế	4.463.433.762	2.258.433.803
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	892.686.752	496.855.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	892.686.752	496.855.436

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về thị trường, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.423.334.116	-	6.423.334.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.587.546.253	-	11.587.546.253
Cộng	18.010.880.369	-	18.010.880.369
Tại ngày 30/6/2016			
Các khoản vay	3.994.531.400	1.272.155.000	5.266.686.400
Phải trả người bán và phải trả khác	6.461.542.978	-	6.461.542.978
Cộng	10.456.074.378	1.272.155.000	11.728.229.378
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.554.805.991	(1.272.155.000)	6.282.650.991
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	543.943.798	-	543.943.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.646.957.956	-	13.646.957.956
Cộng	14.190.901.754	-	14.190.901.754
Tại ngày 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.696.254.942	-	7.696.254.942
Cộng	7.696.254.942	-	7.696.254.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.494.646.812	-	6.494.646.812

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ năm trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015) đã được soát xét.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu